

Tính từ trạng thái trong tiếng Việt và phương pháp dịch sang tiếng Trung Quốc

Status adjustments in Vietnamese and methods of translation to Chinese

La Thị Thúy Hiền^{1*}

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: hien.ltt@ou.edu.vn

THÔNG TIN

DOI: 10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.18.1.2314.2023

Ngày nhận: 18/05/2022

Ngày nhận lại: 03/02/2023

Duyệt đăng: 07/02/2023

TÓM TẮT

Tính từ là một trong 03 loại thực từ có tần suất xuất hiện nhiều trong câu và làm thành phần vị ngữ, bổ ngữ, chủ ngữ trong câu. Tính từ có hai loại, tính từ chỉ tính chất và tính từ chỉ trạng thái (tính từ trạng thái). Giữa hai ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và tiếng Việt, tính từ trạng thái có nhiều cấu hình, do đó, khi phiên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc có nhiều cách. Bài viết này dựa trên lý thuyết đối chiếu so sánh về cấu hình để tìm ra được sự giống và khác nhau về cấu hình của tính từ trạng thái của hai ngôn ngữ, đồng thời dựa trên việc so sánh về ngữ nghĩa của hai đối tượng, sau đó theo lý luận phiên dịch nêu ra một số cách phiên dịch tính từ trạng thái từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc nhằm giúp cho người học, phiên dịch viên có những phương pháp tốt trong học tập cũng như những kỹ thuật trong phiên dịch.

ABSTRACT

Adjectives are one of three types of real words that appear frequently in sentences and act as predicate, complement, and subject components in a sentence. Adjectives are of two types, adjectives of properties and adjectives of status (adjectives of state). Between the Chinese and Vietnamese languages, modal adjectives have many configurations, so when translating from Vietnamese to Chinese there are many ways. This article is based on the theory of comparison and comparison of configurations to find out the similarities and differences in the configuration of modal adjectives of two languages and is also based on the comparison of the semantics of two objects, then according to the theory of interpretation, some ways of translating the adverb of state from Vietnamese to Chinese are proposed in order to help learners and interpreters have good methods of learning as well as techniques in translation.

Từ khóa:

phương pháp phiên dịch; tính từ trạng thái; tính từ trong tiếng Trung Quốc; tính từ trong tiếng Việt

Keywords:

translation methods; state adjectives; adjectives in Chinese; adjectives in Vietnamese

1. Đặt vấn đề

Tính từ trạng thái trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc có những dạng cấu hình giống và khác nhau. Quá trình phiên dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc là một quá trình dịch khá khó. Cấu hình của tính từ trạng thái trong tiếng Việt có nhiều cách dịch tương ứng sang tiếng Trung Quốc và ngược lại, trong đó có những dạng có cách dịch đối ứng và cũng có những cách dịch khác. Bài viết này sẽ tìm hiểu về cấu hình của hai ngôn ngữ và nêu ra một số phương pháp dịch dành cho tính từ trạng thái từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc.

2. Tính từ trạng thái trong tiếng Việt

2.1. Đặc trưng ngữ nghĩa của tính từ trạng thái trong tiếng Việt

Theo tác giả Diep (2013) tính từ trong tiếng Việt phân chia thành nhiều loại. Tuy nhiên trong bài viết này chúng tôi tham chiếu theo tính từ trạng thái trong tiếng Trung Quốc, cho nên chúng tôi sẽ nêu và phân loại tính từ trạng thái trong tiếng Việt dựa vào việc tính từ không thể kết hợp với phó từ chỉ mức độ.

(1) Loại thứ 1: Là loại tính từ tính chất không thang độ, là loại từ tự thân không hàm chứa khả năng thay đổi mặt số lượng trong đặc trưng nêu ở tính từ, hoặc đặc trưng đó đã đạt được đến mức độ tuyệt đối, do đó chúng không có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ mức độ, một bộ phận tính từ trạng thái bản thân nó đã mang theo phó từ không thang độ và mang một ý nghĩa đánh giá tích cực hoặc tiêu cực. Ví dụ về các tính từ chứa yếu tố đánh giá tích cực: đỏ thắm, xanh tươi, trắng nõn, vàng thơm, ...; về các tính từ chứa yếu tố đánh giá tiêu cực: tím ngắt, xanh lè, đỏ lòm, trắng bệch, ...; về các từ chứa yếu tố đánh giá trung bình: trắng xóa, xanh biếc, đỏ tươi, ...

(2) Loại thứ 2: Là loại tính từ bao hàm từ hai đặc trưng tính chất trong một từ, ví dụ: ốm yếu, lờ mờ, ...

2.2. Cấu hình của tính từ trạng thái trong tiếng Việt

Theo tác giả Nguyen (1996), chia tính từ làm nhiều loại trong đó loại tính từ trạng thái trong tiếng Việt có các dạng như sau:

Dạng từ ghép, song âm tiết: AB, Ax

Dạng từ trùng điệp (lặp lại) theo các hình thức: AA, AABB, ABB, Aa'AB

- a. Dạng AA: đo đỏ, trắng trắng, vàng vàng, tím tím, ...
- b. Dạng AABB: mừng mừng tủi tủi, vội vội vàng vàng, ...
- c. Dạng ABB: nóng hôi hôi, xanh biền biếc, xa vời vời, ...
- d. Dạng Aa'AB: nhí nha nhí nhảnh, hơn ha hơn hờ, đứ đờ đứ đờn, ...

3. Điểm giống và khác nhau về cấu hình của tính từ trạng thái trong hai ngôn ngữ

Theo cấu hình giữa hai ngôn ngữ, chúng ta có thể thấy có sự tương đồng khá nhiều, tuy nhiên xét về mặt ngữ nghĩa thì có những loại ý nghĩa hoàn toàn khác biệt.

3.1. Cấu hình của tính từ trạng thái trong tiếng Trung Quốc

Tính từ trạng thái trong tiếng Trung Quốc có nhiều dạng, mỗi dạng mang một cấu hình khác nhau.

Dạng thứ nhất là tính từ trạng thái song âm tiết, dạng từ ghép, ví dụ: 碧绿、亮堂、圆满、冰凉, ...

Dạng thứ hai là tính từ trạng thái đa âm tiết có cấu hình theo hình thức trùng điệp (lặp lại), có thể chia nhóm này ra thành năm dạng nhỏ như sau:

- a. Dạng AA: 红红、绿绿、黄黄、白白, ...
- b. Dạng AABB: 高高兴兴、干干净净、多多少少, ...
- c. Dạng ABAB: 雪白雪白、通红通红、冰凉冰凉, ...
- d. Dạng ABB: 干巴巴、热乎乎、凶巴巴, ...
- e. Dạng A里AB: 糊里糊涂、怪里怪气、土里土气, ...

Chúng ta đều biết tính từ trạng thái trong tiếng Trung Quốc về mặt ngữ nghĩa đã nêu trạng thái tính chất của sự vật hiện tượng, chúng không nhận sự bổ nghĩa từ trạng từ mức độ và trạng từ phủ định, vì chúng đã bao gồm mức độ về trạng thái và tính chất của sự vật hiện tượng. Ở tính từ lặp lại, mức độ về trạng thái tính chất của chúng được tăng lên về mặt ý nghĩa.

3.2. Điểm giống nhau của tính từ trạng thái giữa hai ngôn ngữ

Thứ nhất xét về cấu hình thì chúng ta có dạng tính từ song âm tiết dạng từ ghép, trong hai ngôn ngữ sẽ có loại AB, chúng ta cùng xem ví dụ:

Tiếng Trung Quốc: 碧绿、亮堂、圆满、冰凉

Tiếng Việt: vui vẻ, lạnh lẽo, nhanh nhẹn, ...

Các dạng trùng điệp trong hai ngôn ngữ cũng giống nhau, trong tiếng Trung Quốc có hình thức: AA, AABB, ABB và A里AB, còn trong tiếng Việt cũng có hình thức tương tự.

3.3. Điểm khác nhau của tính từ trạng thái giữa hai ngôn ngữ

Trong hai ngôn ngữ dạng trùng lặp tính từ khác nhau ở dạng ABAB, tiếng Trung Quốc có dạng ABAB, nhưng trong tiếng Việt thì không có hình thức này.

Ngoài ra điểm khác nhau giữa hai ngôn ngữ chính là mặt ngữ nghĩa, tuy có hình thức giống nhau nhưng có những trường hợp nghĩa khác nhau.

Thứ 1: Hình thức Ax trong tiếng Việt là một loại tính từ mang đặc trưng riêng của người Việt Nam, trong đó A là tính từ gốc, còn x là một hậu tố có chức năng là điểm tô, bổ nghĩa thêm cho tính từ A, thành phần hậu tố này kết hợp với tính từ trước nó được sử dụng riêng dành cho tính từ trước đó, x đôi khi chỉ là một từ không có nghĩa riêng, cố định hoặc là một bổ ngữ của tính từ, sau khi ghép lại tạo thành một tính từ mang màu sắc hình tượng phong phú. Ví dụ: Vàng hoe, đỏ lôm, đỏ lè, chán ngắt, nhanh nhẩu, nóng hổi, ...

Thứ 2: Hình thức AA trong tiếng Việt là hình thức lặp lại hay còn gọi là láy lại trong tiếng Việt, có nghĩa sẽ bị giảm mức độ xuống, nhưng trong tiếng Trung Quốc lại có nghĩa là mức độ được tăng lên. Do đó, hình thức này khi dịch giữa hai ngôn ngữ cần phải cẩn thận.

Thứ 3: Hình thức ABAB trong tiếng Trung Quốc so với tiếng Việt hầu như không có xuất hiện dạng này, do đó trong phiên dịch chúng ta cũng cần cân nhắc cách dịch trung thực với nghĩa gốc.

4. Một số cách dịch tính từ trạng thái từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc

Theo tác giả Zhici và Guangmou (2014) cho rằng dịch là quá trình mang ý nghĩa của một văn tự ngôn ngữ này diễn đạt ra thành một loại văn tự ngôn ngữ khác, mang ký hiệu hoặc con số của một văn tự ngôn ngữ này diễn đạt ra thành văn tự, ngôn ngữ khác. Trong quá trình dịch này có ba giai đoạn đó là: giai đoạn tìm hiểu, giai đoạn diễn đạt, giai đoạn hiệu đính, cả ba giai đoạn đều có tầm quan trọng như nhau, trong đó nếu giai đoạn tìm hiểu là tiền đề cho hai giai đoạn sau thì giai đoạn diễn đạt là giai đoạn quan trọng nhất, kế đến là giai đoạn hiệu đính, đây là giai đoạn kiểm tra lại cả hai giai đoạn đầu. Ngoài ra, khi dịch sang một ngôn ngữ khác cũng cần xét đến tiêu chuẩn của quá trình dịch, đây cũng là thước đo về chất lượng cho sản phẩm dịch, cả hai tác giả trên cũng đã nêu ra ba nguyên tắc chú ý trung thực với nguyên văn, phong cách và thủ pháp cần phải tương đồng với nguyên tác về mặt tính chất, giữ nguyên thông suốt cách hành văn của nguyên tác.

Do đó, khi dịch từ, đặc biệt là tính từ trạng thái từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt, chúng ta cần tìm hiểu về hình thức cấu tạo của tính từ trạng thái từ hai ngôn ngữ, nắm vững về kết cấu

và ý nghĩa thì mới có thể tìm ra một cách dịch thích hợp với từng loại trong tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Một số cách dịch thông thường được áp dụng khi dịch ở đơn vị là từ thì tác giả Zhici và Guangmou (2014) đã nêu ra các phương pháp như: Phương pháp đối dịch; Phương pháp dịch cụ thể; Phương pháp dịch trừu tượng; Phương pháp dịch thêm từ; Phương pháp dịch lược bỏ; Phương pháp dịch chuyển tính chất, ... Trong số những phương pháp vừa nêu trên, chúng ta có thể áp dụng một vài phương pháp thích hợp với trường hợp dịch tính từ trạng thái từ tiếng Việt Nam sang tiếng Trung Quốc.

4.1. Cách dịch đối dịch

Cách dịch này là dịch đối ứng giữa hai ngôn ngữ, trong tiếng Việt và tiếng Trung Quốc, nghĩa là trong ngôn ngữ văn dịch tìm một từ có nghĩa tương đồng với nguyên văn để dịch ra. Trong tiếng Việt có tính từ trạng thái tương ứng, mang nghĩa tương đồng, tương tự với tiếng Trung Quốc, chúng ta có thể sử dụng phương pháp này dịch từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc. Ví dụ:

- (1) Lạnh nhạt = 冷淡
- (2) Sáng sủa = 亮堂
- (3) Xanh biếc = 碧绿
- (4) Mệt mỏi = 疲惫

4.2. Cách dịch giữ nguyên hình thức

Những hình thức tương đồng giữa hai ngôn ngữ, khi dịch chúng ta cố gắng dựa vào hình thức sẵn có, giữ nguyên hình thức trong văn dịch. Cụ thể như sau:

Hình thức AABB chúng ta có thể giữ nguyên hình thức này khi tiến hành dịch ra tiếng Trung Quốc, ví dụ:

- (1) Vội vội vàng vàng = 急急忙忙
- (2) Vui vui mừng mừng = 高高兴兴

Hình thức ABB, tương tự chúng ta cũng có thể giữ nguyên hình thức khi dịch thành tiếng Trung Quốc, ví dụ:

- (3) Nóng hôi hôi = 热乎乎
- (4) Buồn rười rượi = 闷沉沉
- (5) Chậm rì rì = 慢悠悠
- (6) Đen xì xì = 黑漆漆

Hình thức Aa'AB trong tiếng Việt, chúng ta có thể cố gắng giữ nguyên hình thức này khi dịch ra tiếng Trung Quốc, đây là hình thức đặc biệt của tính từ trạng thái trong tiếng Việt, tương tự trong tiếng Trung Quốc cũng có cấu tạo tính từ trạng thái tương tự, chúng ta có thể sử dụng phương pháp giữ nguyên hình thức và dựa theo ý nghĩa của từ để dịch ra tiếng Trung Quốc. Ví dụ:

- (7) Hồ ã hồ ã = 糊里糊涂

4.3. Cách dịch theo nghĩa

Khi chuyển dịch sang tiếng Trung Quốc chúng ta có thể áp dụng cách dịch theo nghĩa để dịch ra đối với tính từ trạng thái với hình thức lặp lại AA, Ax và một số hình thức khác không thể

dịch ra tiếng Việt. Khi chuyển dịch theo ý nghĩa, chúng ta có thể cố hết sức giữ lại nghĩa đúng của tính từ trạng thái, đó là mức độ tăng lên của tính từ trạng thái.

Trường hợp tính từ trạng thái hình thức AA trong tiếng Việt, chúng ta có thể chuyển dịch thành tiếng Trung Quốc có thêm từ 略微、稍微、略、微、有点儿, ..., ví dụ:

- (1) Cao cao = 微高、略高
- (2) Beo béo = 微胖、略胖

Trường hợp tính từ trạng thái hình thức Ax trong tiếng Việt, chúng ta có thể dựa vào đặc trưng ngữ pháp của Ax để chuyển dịch sang tiếng Trung Quốc. Đặc trưng ngữ pháp của Ax có hai loại, loại thứ nhất x là bổ ngữ, bổ nghĩa cho tính từ A, thường là bổ sung ý nghĩa đạt đến một mức độ nào đó cho tính từ đứng trước nó, hay nói cách khác là tính từ A đạt đến một mức độ x, loại thứ hai A đạt đến một mức độ tương đương với trạng thái x, với loại này khi chuyển dịch chúng ta có thể sử dụng tính từ trạng thái theo hình thức ABB trong tiếng Trung Quốc, hoặc sử dụng chuyển dịch x theo dạng bổ ngữ mức độ hoặc bổ ngữ chỉ kết quả trong tiếng Trung Quốc. Ví dụ:

- (1) đen thui = 黑漆漆的
- (2) tròn vo = 圆溜溜的
- (3) lép kẹp = 凹落的、扁扁的

Trong ba ví dụ trên chúng ta có thể rõ khi chuyển dịch, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với ý nghĩa trong tiếng Việt.

- (4) mệt nhoài = 累得要命、精疲力尽
- (5) đau điếng = 通煞煞、痛刺心扉
- (6) béo múp = 胖嘟嘟的、胖圆圆的
- (7) ngọt lịm = 浓甜、甜蜜蜜的、甜到尽头

Trong ví dụ (4), (5), (6), (7) cho chúng ta thấy khi chuyển dịch có thể vẫn sử dụng hình thức ABB trong tiếng Trung Quốc hoặc dịch theo dạng x là bổ ngữ kết quả hoặc bổ ngữ mức độ trong tiếng Trung Quốc, như ví dụ (4), (5), (7).

5. Kết luận

Tính từ trạng thái trong tiếng Việt rất phong phú, khi dịch sang tiếng Trung Quốc cần xem xét nhiều vào kết cấu hình thức và về mặt ngữ nghĩa để có thể dịch chính xác và tuân thủ theo tiêu chuẩn dịch đó là trung thành với văn dịch. Trên đây là một số phương pháp dịch có thể tham khảo giúp người học và người dạy tiếng Trung Quốc, tiếng Việt có cái nhìn tổng quát hơn về tính từ trạng thái trong tiếng Trung Quốc và tiếng Việt.

Tài liệu tham khảo

- Bing, X. (2014). *Conceptual confusion in translation studies* [翻译研究中的概念混淆] [J]. Chinese: Beijing University.
- Dexi, Z. (1956). A study on the usage of monosyllabic adjectives [单音形容词用法研究] [J]. *Chinese Language*, 2, 1-89.
- Dexi, Z. (1956). A study of adjectives in modern Chinese [现代汉语形容词研究] [J]. *Chinese Language*, 4(1), 112-125.

- Diep, B. Q. (2013a). *Ngữ pháp Tiếng Việt tập 1 [Vietnamese grammar volume 1]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Diep, B. Q. (2013b). *Ngữ pháp Tiếng Việt tập 2 [Vietnamese grammar volume 2]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Do, C. H. (1969). Một số ý kiến về việc giải thích nghĩa của từ trong từ điển tiếng Việt [Suggestions on the interpretation of the meaning of words in Vietnamese language dictionaries]. *Journal of Languages*, 2, 43-50.
- Hoang, H. V. (1979). Về hiện tượng từ láy trong tiếng Việt [The phenomenon of overlap in Vietnamese]. *Journal of Languages*, 2, 5-15.
- Hongbing, X. (2000). Unified analysis of Chinese word overlap results [汉语词语重叠结果统一分析][J]. *Language Teaching and Research*.
- Jingsong, Z. (2003). Grammatical meaning of adjective reduplication [形容词重叠式的语法意义][J]. *Chinese Studies*, 3(9/17), 130-139.
- Lihua, R. (2010). *A review of the research on state adjectives [状态形容词研究综述][J]*. Chinese: Beijing Normal University College.
- Nguyen, G. T. (1996). *Từ và nhận diện từ tiếng Việt [Words and cognitive words in Vietnamese]*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Giáo dục Hà Nội.
- Nguyen, G. T. (2003). *Từ vựng học tiếng Việt [Vietnamese lexicology]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyen, K. V. (1980). Chức năng ngữ nghĩa về trật tự của các yếu tố trong các cặp tổ hợp ghép đẳng lập tương ứng (AB/BA) [J] [On the Semantic Function of the Co ordinate AB/BA [J]]. *Kỷ yếu Hội nghị khoa học, Viện ngôn ngữ học*, 1980.
- Phi, H. T. (1977). Thử tìm hiểu từ láy song tiết dạng X “áp” + Xy [X “áp” + Xy form, double syllable overlapping word]. *Journal of Languages*, 4, 42-50.
- Shangkui, X., & Cheng, Z. (1989). On ABB adjectives [试论ABB式形容词] [J]. *Journal of Inner Mongolia University (Philosophy and Social Sciences Edition)*, 4(16/66), 108-114.
- Truong, N. T. (2012). Bàn thêm về vấn đề nhận diện từ láy tiếng Việt [Exploring the problem of cognitive reduplication in Vietnamese language]. *Kỷ yếu hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc Đà Nẵng*, 180-182.
- Xingwang, Z., & Dequan, M. (2002). On the formation of overlapping adjectives [试论重叠式形容词的构成方式]. *Yinshan Academic Journal*, 4, 89-93.
- Zhici, T., & Guangmou, Q. (2014). *Vietnamese Chinese translation tutorial [越汉翻译教程]*. Chinese: World Book Publishing Guangdong Co., Ltd.
- 申跃 (2008). *Study of ABB adjectives in modern Chinese* (Master's thesis). Shen Yue, Shandong Normal University, Shandong.
- 郑梦娟 (2004). *Research on ABB adjectives [ABB式形容词研究]* (Master's thesis). Zheng Mengjuan, Wuhan University, Wuhan.

